TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1476/2026/QĐST-HNGĐ	*TP ., ngày 07 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1362/2026/HNST ngày 01 tháng 6 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Người yêu cầu: Ông Lâm Bá H, sinh năm 1980

- Người yêu cầu: Bà Trần Thị Hương N, sinh năm 1983

Cùng địa chỉ: 2 Quốc lộ A, khu phố C, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Bá H và bà Trần Thị Hương N chung sống vào năm 2006 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 167/2006, quyển số 01 ngày 12/12/2006.

Quá trình chung sống ông H và bà N phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống, mặc dù ông H và bà N đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H và bà N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 03 con chung tên Lâm Gia B, sinh ngày 21/01/2009; Lâm Gia N1, sinh ngày 12/12/2011 và Lâm Trần Minh A, sinh ngày 19/8/2020. Hai vợ chồng thỏa thuận giao 03 con chung cho ông Lâm Bá H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Trần Thị Hương N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, Tòa án lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ việc.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Bá H và bà Trần Thị Hương N thuận tình ly hôn.

- Giấy chứng nhận kết hôn số 167/2006, quyển số 01 ngày 12/12/2026 do Ủy ban nhân dân phường H, quận T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lâm Bá H và bà Trần Thị Hương N không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Lâm Gia B, sinh ngày 21/01/2009; Lâm Gia N1, sinh ngày 12/12/2011 và Lâm Trần Minh A, sinh ngày 19/8/2020. Giao 03 con chung cho ông Lâm Bá H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Trần Thị Hương N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì quyền lợi mọi mặt của người con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức tiền cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí việc dân sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lâm Bá H và bà Trần Thị Hương N phải chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự

sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0032900 ngày 26/5/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Hương N và ông Lâm Bá H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2, TP. Hồ Chí Minh;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng THADS KV2, TP Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lưu Minh Tú

-